

Bản án số: 85/2019/HSST

Ngày: 12/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Văn Chiến

2- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:

Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2019/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. CHU VĂN T, sinh năm 1989, Nơi ĐKHKTT: Thôn 4, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn T1 và bà Đỗ Thị T2; vợ là Vũ Thị H1; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/7/2019, tạm giam từ ngày 22/7/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thạch Thất, Hà Nội. Có mặt.

2. ĐỖ H, sinh năm 1997, nơi ĐKHKTT: Thôn 7, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 7, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 13/7/2019, tạm giam từ ngày 22/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thạch Thất, Hà Nội. Có mặt.

3. HOÀNG XUÂN G (Tên gọi khác: **Hoàng Văn G**)- sinh năm 1983, nơi ĐKKHKT: Thôn 6, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 6, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn H2 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; vợ: Phí Thị M; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án hình sự số 19/HSST ngày 22/9/2003 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt bị cáo G 18 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án. Bản án hình sự số 27/2007/HSST ngày 29/6/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt bị cáo G 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo G đã chấp hành xong hình phạt và các nghĩa vụ dân sự nên đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2019, tạm giam từ ngày 31/8/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị hại:

1- Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1983, trú tại: Thôn B, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2- Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 2003, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H3- sinh năm 1070 (mẹ chị B), trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3- Công ty Trách nhiệm hữu hạn thếp P.

Trụ sở: Thôn 5, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C – Giám đốc. Vắng mặt.

4- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985, trú tại: Thôn 8, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5- Ông Trần Văn C, sinh năm 1969, trú tại: Thôn T, xã B, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6- Công ty Hà L.

Trụ sở: Thôn T, xã B, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn L – Giám đốc. Vắng mặt.

7- Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1983, trú tại: Đường liên xã, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8- Anh Nguyễn Đình Q1, sinh năm 1980; trú tại: Số nhà 38A đường liên xã, xã H, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9- Anh Nguyễn Đình T2, sinh năm 1981, trú tại: Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10- Bà Phùng Thị D, sinh năm 1959, trú tại: Thôn 9, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Chu Văn A, sinh năm 1978, trú tại: Thôn 1, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2- Anh Nguyễn Khả S, sinh năm 1979, trú tại: Thôn 8, xã P, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3- Anh Nguyễn Phú C1, sinh năm 1983, trú tại; Thôn 4, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4- Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 7, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5- Chị Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1989, trú tại: Thôn 2, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6- Anh Chu Ba D2, sinh năm 1979, trú tại: Thôn 2, xã C, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Chu Văn M, sinh năm 1962, trú tại: Thôn 6, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Văn T, Đỗ H, Hoàng Xuân G và Nguyễn Văn H1, sinh năm 1978, trú tại: Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội đều là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 18 giờ ngày 12/01/2019 anh Nguyễn Hữu N- sinh năm 1983, HKTT: thôn B, xã H, huyện Thạch Thất, Hà Nội, để 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế, chạy bằng điện, màu xanh, kích thước 3m x1,25m x1m tại trước cửa xưởng nhà Tuệ Yến thuộc khu đất dịch vụ xã P, huyện Thạch Thất. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Hoàng Xuân G cùng Chu Văn T đi chơi với nhau. Khi đi qua xưởng nhà Tuệ Yến, T và G thấy chiếc xe ba bánh tự chế không có người trông giữ của anh N nên T và G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T bảo G: “xuống đất chiếc xe kia đi”, G đồng ý và xuống xe đi tới chiếc xe ba bánh sau đó dắt chiếc xe xuống đường rồi ngồi lên điều khiển xe, còn T đi xe máy đằng sau dùng chân đẩy chiếc xe ba bánh đi về nhà Đặng Cao C- sinh năm 1983, ở Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội để bán với giá 15.000.000 đồng. Sau đó T chia cho G 7.500.000 đồng. Khoảng 6 giờ ngày 13/01/2019, anh N phát hiện chiếc xe bị mất trộm nên anh N nhờ anh Phan Văn Th, sinh năm 1986 ở thôn Đ, xã H tìm và lấy lại xe đã bị trộm. Vì vậy, Th liên lạc với Chu Văn T để yêu cầu T trả xe ba bánh đã trộm của anh N. Khoảng 18 giờ ngày 15/01/2019, T cùng G đến nhà C trả lại tiền và lấy lại chiếc xe đã trộm rồi đem trả cho Th. Sau đó anh Th đem xe về trả cho anh N.

Tang vật thu giữ: 01(một) chiếc xe ba bánh tự chế chạy bằng điện, màu xanh, thùng phẳng, kích thước 3m x1,25m x1m, xe hoạt động tốt, đã qua sử dụng tại xưởng nhà anh N thuộc xã P.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL – HĐĐG ngày 22/8/2019, chiếc xe điện ba bánh tự chế, màu xanh chạy bằng điện, hoạt động tốt, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Hữu N đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Vụ thứ 2: Khoảng 17 giờ ngày 26/02/2019, chị Nguyễn Thị Ngọc B- sinh năm 2003, Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội đi chiếc xe máy điện nhãn hiệu SUZIKA, số loại Z8, màu đen đỏ, BKS: 89MĐ1-085.22 (Do phần gắn biển kiểm soát bị gãy nên chiếc xe máy điện lúc đó không gắn biển kiểm soát) đến quán ăn “Queen BBQ” thuộc thôn 7, xã T, huyện Thạch Thất do anh Nguyễn Việt D3 làm chủ để làm việc. Khoảng 20 giờ, ngày 26/02/2019, Chu Văn T điều khiển xe máy SH mode màu xanh, BKS: 29V5-362.46, chở Nguyễn Đình Ph- sinh năm 1980, Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội đến địa phận ngã tư Cầu L thuộc xã T, huyện Thạch Thất thì phát hiện chiếc xe máy điện của chị B để sát cạnh quán ăn “Queen BBQ”. T bàn với Ph trộm cắp chiếc xe trên. T xuống xe quan sát không thấy có ai đi qua nên đã lấy chiếc xe máy điện sau đó T và Ph mang xe máy điện vừa lấy được đến xưởng của Nguyễn Văn H2- sinh năm 1978, trú tại: Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất để sửa ổ khóa. Sau đó, T cho Ph số tiền: 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), là tiền công Ph đi trộm cắp cùng T, rồi T giữ lại chiếc xe máy điện đã trộm cắp được. Đến khoảng 14 giờ, ngày 28/02/2019, T gọi điện cho anh Nguyễn Việt D3- sinh năm 1987 trú tại: Thôn 5, xã T là chủ quán ăn “Queen BBQ” nói là biết người lấy trộm xe và bảo sẽ đưa anh D3 đi chuộc xe với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). D3 đồng ý. Sau đó, Chu Văn T gặp và nhờ một người tên L- sinh năm 1992, quê ở Thanh Hóa, làm việc tại Khu Công Nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai đứng ra lấy tiền chuộc xe của anh D3. Do trước đây T nợ L tiền nên khi T nói với L: “Mày đi cầm tiền hộ anh, anh trả tiền mày, còn bao nhiêu thì trả lại anh”, L đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, T để xe máy điện ở gần sân bóng P và cắm chìa khóa xe tại xe rồi T đến đón anh D3. T và anh D3 đi đến khu vực gần cây xăng Đức Tài, D3 đưa L số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Sau đó, T đưa D3 đến vị trí đã để chiếc xe đạp điện trước đó để lấy xe. Khi lấy được xe, D3 đi về, còn T đi tìm L nhưng không thấy và cũng không liên lạc được với L.

Tang vật thu giữ: 01(một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu SUZIKA, loại xe Z8, màu đen đỏ, BKS: 89 MĐ 1- 085.22, số máy: V800QM00133, số khung: QMZM00875, đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 13/3/2019, chiếc xe máy điện nhãn hiệu SUZIKA, loại xe Z8, màu đen đỏ, số máy: 00133, số khung: 00875, BKS: 89MĐ1-085.22, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2016, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 5.720.000 đ (Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền sửa bình ắc quy và sửa khóa là 1.500.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 21 giờ ngày 17/4/2019, Công ty TNHH thép P có trụ sở tại xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội do ông Trần Văn C- sinh năm 1974, trú tại Thôn 5, xã P làm chủ, có 20 (hai mươi) tấm tôn lạnh loại tôn TONMAT- AZ50J - ECO3/BG/11 - 35XD (18 tấm kích thước 3,6x1,8 mét, 02 tấm kích thước 3,65x1,8 mét) ở trước cửa công ty. Khoảng 01 giờ ngày 18/4/2019, Chu Văn T chở Đỗ H bằng chiếc xe HONDA SH mode, màu xanh, BKS: 29V5 - 36.246 đi đến khu vực gần cổng chào huyện Thạch Thất, thuộc xã P thì thấy số tôn lạnh của Công ty TNHH Thép P để ở trước cửa xưởng không có người trông giữ nên T và H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T bảo H: “Tôn kia, về lấy xe để chở”. H hiểu ý T là trộm cắp số tôn trên. Sau đó T và H lấy xe cải tiến làm phương tiện chở tôn, T và H khiêng 20 tấm tôn lạnh đặt lên xe cải tiến và đi về hướng thôn 8, xã P. Khi đi khu vực qua cây xăng xã P thì dừng lại do số tôn nặng quá. T liền lấy xe máy đi về nhà Chu Văn A- sinh năm 1978, thường gọi là Tuấn Đ, trú tại: Thôn 1, xã P để bán tôn cho A, còn H ở lại trông số tôn. Khi gặp Chu Văn A, T nói: “Anh ra chở giúp em ít tôn về em bán cho”, A đồng ý. Sau đó, A lấy xe ba bánh tự chế đi cùng T đến chỗ H đang trông số tôn. Khi đến chỗ H, A cùng T, H khiêng số tôn lên xe ba bánh tự chế của A rồi chở số tôn về xưởng nhà A ở thôn 1, xã P. T và H bán số tấm tôn lạnh trộm cắp được cho A với giá là 2.900.000 đồng, T chia cho H 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng). T và H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ: Chưa thu được số tôn lạnh nêu trên do chưa làm việc được với Chu Văn A là người đã mua số tôn của T và H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 51/KL - HDDG ngày 29/7/2019, kết luận 18 (mười tám) tấm tôn nhãn hiệu TONMAT -AZ50J -ECO3/BG/11- 35XD có giá trị 16.329.483đ (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), 02 (hai) tấm tôn nhãn hiệu TONMAT-AZ50J -ECO3/BG/11- 35XD có giá trị là 1.839.587đ (Một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng). Tổng 20 (Hai mươi) tấm tôn có giá trị 18.169.070đ (Mười tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bảy mươi đồng).

Về dân sự: Ông Trần Văn C yêu cầu bồi thường số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Ngày 07/11/2019 gia đình bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 9.000.000 đồng nên ông C có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đỗ H.

Vụ thứ 4: Khoảng 01 giờ ngày 30/4/2019, Chu Văn T cùng Nguyễn Văn H1 đi chiếc xe Honda SH mode, BKS: 29V5 -36.246 qua xưởng gỗ nhà anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1985, trú tại: Thôn 8, xã P, huyện Thạch Thất thì phát hiện trong xưởng có 01 chiếc xe điện ba bánh tự chế của nhà anh Q. Thấy vậy, H và T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe ba bánh trên. Nguyễn Văn H đi bộ vào kiểm tra xưởng không có ai trông giữ sau đó ra nói cho T thì T đi bộ vào trong xưởng rồi dắt chiếc xe điện ba bánh tự chế lùi ra cửa xưởng. Khi gần ra đến cửa xưởng thì H đi vào cùng T kéo chiếc xe ba bánh ra ngoài đường. Sau đó T ngồi

lên xe đầu điện rồi cùng H đưa chiếc xe điện ba bánh đi đến nhà Đặng Cao C- sinh năm 1983, ở thôn 3, xã P và H bán chiếc xe đó cho C với giá 8.000.000 đồng. Sau đó H chia cho T 4.000.000 đồng. T đã tiêu sài hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ: Chưa thu được do Đặng Cao C đã chết ngày 20/6/2019 nên chưa xác định được chiếc xe đang ở đâu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 59a/KL- HĐĐG ngày 22/8/2019, kết luận chiếc xe điện ba bánh tự chế, khung xe màu xanh nhạt đôi giảm xóc màu xanh lơ, ắc quy màu đen, tổng chiều dài xe khoảng 3m, chiều rộng thùng xe khoảng 1,3m, xe hoạt động tốt, đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn Q đã được gia đình bị cáo Chu Văn T và Nguyễn Văn H1 bồi thường số tiền theo thỏa thuận nên anh Q không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Vụ thứ 5: Khoảng 22 giờ, ngày 31/5/2019, Nguyễn Văn H1 rủ Chu Văn T và Đỗ H sang xã B để trộm cắp gỗ, T và H đồng ý. Cả ba lên xe máy của H1 đi đến xưởng gỗ “Cường H” của ông Trần Văn C- sinh năm 1969, trú tại: thôn T, xã B, huyện Thạch Thất để lấy trộm gỗ. Khi đến nơi, H1, T và H lấy trộm khoảng 10 (mười) tấm gỗ Xoan Đào kích thước khoảng 250x30x2(cm) để lên chiếc xe cải tiến để chở về nhà anh Nguyễn Khả S- sinh năm 1979, ở thôn 8, xã P, huyện Thạch Thất để bán. Sau đó T, H, H1 lại quay lại để trộm gỗ tiếp. Khi đến xưởng gỗ của Công ty Hà L thuộc thôn T, xã B do anh Phan Văn L- sinh năm 1987, HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Thạch Thất là chủ công ty, T, H1, H lấy trộm 08 (tám) tấm gỗ Xoan Đào, kích thước mỗi tấm khoảng 250x30x2(cm) cho lên xe cải tiến sau đó lại đến xưởng nhà ông Trần Văn C để trộm tiếp khoảng 07 (bảy) tấm gỗ và chở về để trước cửa xưởng nhà anh Nguyễn Khả S. Khoảng 9 giờ sáng ngày 01/6/2019, số gỗ trên được H1 bán cho anh S với giá 4.500.000 đồng, H1, T và H chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng. Anh S đã sử dụng 03 (ba) tấm gỗ kích thước 250x30x2 cm, còn lại 22 tấm gỗ. T và H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ: 09 (chín) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào, kích thước mỗi tấm 250x44x2 cm; 12 (mười hai) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào, kích thước mỗi tấm 250x30x2 cm; 01 (một) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào, kích thước 300x61x2 cm.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45/KL- HĐĐG ngày 16/7/2019, kết luận 09 (chín) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào có kích thước mỗi tấm 250x44x2 cm; 15(mười lăm) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào, kích thước mỗi tấm 250x30x2 cm; 01 (một) tấm gỗ, loại gỗ Xoan Đào, kích thước 300x61x2 cm có tổng giá trị là 5.055.000đ (Năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Phan Văn L và anh Trần Văn C đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vụ thứ 6: Khoảng 18 giờ một ngày tháng 6/2019, anh Nguyễn Quang T1- sinh năm 1983, ở đường liên xã, xã H, huyện Thạch Thất để 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh lá cây ở bên đường trước cửa xưởng của nhà anh T1 thuộc đường liên xã H – xã P. Khoảng 01 giờ ngày hôm sau T cùng H đi trên đường liên xã H đi xã P, thì phát hiện thấy chiếc xe ba gác của anh T1 để ở ven đường nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T nói với H “Xuống dắt chiếc xe ba gác về bán”. H đồng ý và ngồi lên điều khiển xe ba gác, T điều khiển xe máy đi phía sau và dùng chân đẩy xe ba gác về đến bãi rác cũ thuộc thôn 4, xã P, T bảo H: “Về trước đi mai tao bán được xe thì chia sau” H đồng ý. Khoảng 9 giờ sáng ngày hôm sau, T đến lấy xe rồi bán chiếc xe ba gác cho Nguyễn Phú C- sinh năm 1983 ở thôn 4, xã P được số tiền là 10.000.000 đồng, sau đó T gộp và chia cho H 4.000.000 đồng. T và H tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ: 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh ghi, có kích thước 3x1.3x1.3 mét, giảm xóc màu vàng, chạy bằng xăng, đã qua sử dụng tại nhà anh Nguyễn Phú C ở thôn 4, xã P.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 47/KL - HĐĐG ngày 16/7/2019, kết luận 01 (một) chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh ghi, kích thước 3x1,3x1,3 mét, đã qua sử dụng (xe chạy bằng xăng) có giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Về dân sự: anh Nguyễn Quang T1 đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 7: Khoảng 22 giờ ngày 04/7/2019, anh Nguyễn Đình Q1- sinh năm 1980, HKTT: Số nhà 38A, đường liên xã, xã P, Thạch Thất, Hà Nội, để chiếc xe Honda LEAD màu xanh, BKS: 30X1- 0605 trước cửa nhà sau đó đi ngủ. Khoảng 1 giờ sáng ngày 05/7/2019, Chu Văn T điều khiển xe SH mode BKS: 29V5- 362.46 chở Đỗ H đi chơi về. Khi đi qua nhà anh Q1 thì thấy chiếc xe BKS: 30X1- 0605 thì T và H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy của anh Q1. T bảo H: “Đi xe lên kia đợi tao”, H đồng ý và đi xe cách vị trí T trộm khoảng 200 mét để đợi T. Sau đó, T đến dắt chiếc xe đi qua chốt bảo vệ công ty Hương P thì gặp ông Chu Văn M- sinh năm 1962, trú tại: Thôn 6, xã P, huyện Thạch Thất. T nói với ông M: “Cháu thấy có chiếc xe máy để ở ngoài đường mà không thấy ai nhận, nếu mai có ai kêu mất thì ông bảo gặp cháu mà lấy xe nhé”. Rồi T và H mang xe trộm cắp được để ở nhà anh Bùi Văn B – sinh năm 1982, trú tại: Thôn 9, xã P để gửi chiếc xe trộm cắp được. Khoảng 9 giờ sáng ngày 05/7/2019, T và H đến nhà anh B lấy xe rồi bán cho Chu Văn A- sinh năm 1978, HKTT: Thôn 1, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội) với giá 5.000.000 đồng, T chia cho H 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Sau đó T và H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Tang vật thu giữ: Chưa thu được tang vật do chưa làm việc được với Chu Văn A.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 53/KL - HĐĐG ngày 29/7/2019, kết luận 01 (một) chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại xe LEAD, số máy 01306, số khung 1048103973, màu xanh,

BKS: 30X1- 0605, đăng ký năm 2009, đã qua sử dụng có giá trị là 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Đình Q1 không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vụ thứ 8: Khoảng 18 giờ ngày 06/7/2019, anh Nguyễn Đình T2- sinh năm 1981, HKTT: Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất, để 3 thanh sắt dẹt (loại sắt chữ I mỗi thanh dài khoảng 1 mét, rộng khoảng 40 cm, dày khoảng 1 cm, ở giữa có 1 đường sắt được hàn vào) có tổng trọng lượng 290 kg tại bãi rác cũ thuộc thôn 4, xã P. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Chu Văn T đi chơi về, khi đi qua bãi rác thì nhìn thấy sắt của anh T2 để trong bãi rác nên nảy sinh ý định trộm cắp. T liền khiêng tất cả 290 kg sắt lên xe YAMAHA, Jupiter, màu đen, không có biển kiểm soát rồi chở về nhà chị Nguyễn Thị D1- sinh năm 1975 ở thôn 7, xã P để bán. Chị D1 cân số sắt được 290kg và trả T 1.700.000 đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng), T đồng ý bán nhưng chị D1 chưa có tiền nên hẹn hôm sau trả. Khoảng 9 giờ ngày 07/7/2019, T đến rủ H đi chơi rồi vào nhà chị D1 lấy tiền bán sắt. Số tiền bán sắt T sử dụng để chi tiêu cá nhân. Khoảng 9 giờ ngày 09/7/2019, chị D1 đã bán 03 thanh sắt trên với giá 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thanh H2- sinh năm 1989, trú tại: Thôn 2, xã P rồi để tại xưởng sắt vụn của nhà chị H2. Do chị H2 làm nghề mua bán sắt vụn nên không nhớ đã bán 03 thanh sắt mua của chị D1 cho ai. Số tiền bán sắt chị D1 đã chi tiêu hết.

Tang vật thu giữ: Không thu được 03 thanh sắt trên vì chị H2 không nhớ đã bán số sắt cho ai.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 50/KL - HĐĐG ngày 24/7/2019, kết luận giá trị của 03 thanh sắt (loại sắt chữ I) có tổng trọng lượng 290kg có giá trị là 1.885.000đ (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Nguyễn Đình T2 không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Vụ thứ 9: Khoảng 13 giờ ngày 08/7/2019, bà Phùng Thị D- sinh năm 1959, HKTT: Thôn 9, xã P, huyện Thạch Thất, để chiếc xe đạp điện màu xanh nhãn hiệu M133i bên trong cốp xe có 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) trước cửa nhà bà D để vào nhà uống thuốc. Một lúc sau, Chu Văn T điều khiển xe máy Yamaha Jupiter màu đen không có biển kiểm soát, chở Đỗ H đi trên đoạn đường liên xã theo hướng UBND xã P qua cầu sang thôn 9, xã P. Khi đi qua cầu khoảng 200 mét, T và H thấy chiếc xe đạp điện của bà D dựng trước đó. T bàn với H trộm cắp xe đạp điện, H đồng ý. T quay xe đi sát bên trái chiếc xe đạp điện để H xuống lấy chiếc xe đạp điện. H ngồi lên để lái chiếc xe còn T đi xe máy phía sau dùng chân phải đẩy cho chiếc xe đạp điện di chuyển. T và H đi đến Cầu Đen thuộc thôn 6, xã P thì dừng lại. T mở cốp xe điện vừa lấy trộm được thì thấy bên trong có số tiền 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng). T đưa cho H 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) rồi nói với H: “Cầm tạm năm trăm nghìn đồng đã rồi về trước đi, sau thì tính sau”. H đồng ý và đi xe máy về nhà. T đem chiếc xe vừa lấy được bán cho Chu Ba D2- sinh năm

1979, trú tại: Thôn 2, xã C, huyện Thạch Thất, Hà Nội được 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, T chia cho H 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng).

Tang vật thu giữ: Chưa thu được tang vật do chưa làm việc được với Chu Ba D2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43/KL – HĐĐG ngày 16/7/2019, chiếc xe đạp điện màu xanh nhãn hiệu M133i, mua mới năm 2015, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Gia đình bị cáo H đến xin lỗi và được bà Phùng Thị D chấp nhận. Bà D không yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Đỗ H.

Đối với Chu Văn T là người đã thực hiện tổng cộng 09 (chín) vụ trộm cắp tài sản cùng đồng phạm vào các ngày 12/01/2019, 26/02/2019, 18/4/2019, 30/4/2019, 31/5/2019, tháng 6/2019, 05/7/2019, 06/7/2019 và 08/7/2019 tại các xã T, xã B và xã P thuộc huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị tài sản mà Chu Văn T tham gia trộm cắp là 75.129.070đ (Bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi đồng). Chu Văn T là người đã đủ tuổi lao động nhưng lười lao động, không có việc làm và lấy tài sản trộm cắp được để mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Chu Văn T phạm tội 05 lần trở lên và chưa có lần nào bị xét xử và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Chu Văn T phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Đối với Đỗ H là người đã thực hiện 05 (năm) vụ trộm cắp tài sản cùng đồng phạm vào các ngày 18/4/2019, 31/5/2019, tháng 6/2019, 05/7/2019 và 08/7/2019 tại các xã B, xã P thuộc huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị tài sản mà Đỗ H cùng đồng phạm trộm cắp là 40.524.070 đ (Bốn mươi triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi đồng). Đỗ H là người đã đủ tuổi lao động nhưng lười lao động, không có việc làm và lấy tài sản trộm cắp được để mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đỗ H phạm tội 05 lần và chưa có lần nào bị xét xử và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Đỗ H phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Sau khi sự việc được phát hiện thì ngày 28/8/2019 Hoàng Xuân G đã có đơn ra đầu thú.

Ngày 09/9/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất đã ra Quyết định khởi tố bị can số 222, ra lệnh bắt bị can để tạm giam số 13 đối với bị can Nguyễn Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị can Nguyễn Văn H1 đã trốn khỏi địa phương. Ngày 08/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã bị can đối với bị can Nguyễn Văn H1. Ngày 09/10/2019, Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 05, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 08, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 12 đối với bị can Nguyễn Văn H1.

Đối với Nguyễn Đình Ph- sinh năm 1980, HKTT: Thôn 2, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội tham gia trộm cắp tài sản ngày 26/02/2019 tại xã Thạch Xá cùng với Chu Văn T. Tuy nhiên ngoài lời khai của Chu Văn T, không có tài liệu khác chứng minh hành vi phạm tội của Ph nên chưa đủ căn cứ khởi tố Ph về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều

173 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã triệu tập Ph nhiều lần nhưng Nguyễn Đình Ph không có mặt tại địa phương, không biết Ph đi đâu vì vậy Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

Đối với Chu Văn A (Tuấn) - sinh năm 1979, HKTT: Thôn 1, xã P, là người đã mua tài sản là tôn và xe máy LEAD BKS: 30X1 – 0605. Cơ quan điều tra đã triệu tập Chu Văn A nhiều lần nhưng A đều vắng mặt, qua xác minh A vắng mặt tại địa phương. Chu Văn T và Đỗ H khai nhận khi bán tôn và xe cho Chu Văn A không nói tài sản bán cho A do trộm cắp mà có. Do vậy không đủ căn cứ khởi tố Chu Văn A về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

Đối với Chu Ba D2- sinh năm 1979, HKTT: Thôn 2, xã C, huyện Thạch Thất, Hà Nội là người đã mua chiếc xe đạp điện do T và H trộm cắp. Cơ quan điều tra đã triệu tập D2 nhiều lần nhưng D2 đều vắng mặt, qua xác minh D2 vắng mặt tại địa phương. Chu Văn T khai nhận khi bán xe cho D2 không nói với D2 là tài sản trộm cắp mà có. Do vậy không đủ căn cứ khởi tố Chu Ba D2 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

Đối với Đặng Cao C- sinh năm 1983, HKTT: Thôn 3, xã P là người mua xe ba bánh của các bị cáo T, G, H1. Tuy nhiên C đã chết ngày 20/6/2019 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với người tên L- sinh năm 1992, ở Thanh Hóa là công nhân khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai. Cơ quan điều tra đã làm việc với Ban quản lý khu công nghiệp để xác minh người có tên là L nêu trên nhưng chưa xác định được người này. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Khả S- sinh năm 1979, HKTT: Thôn 8, xã P là người mua gỗ trộm cắp của các bị cáo T, H, H1 ngày 01/6/2019. Anh S không biết số gỗ nay là do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý S về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Phú C1- sinh năm 1983, HKTT: Thôn 4, xã P là người mua chiếc xe ba bánh tự chế mà các bị cáo T và H trộm cắp tháng 6/2019. C1 không biết chiếc xe ba bánh đó là do T và H trộm cắp. Khi bán xe T không nói cho C1 biết là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý C1 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thị D1- sinh năm 1975, HKTT: Thôn 7, xã P là người mua sắt trộm cắp của T ngày 07/7/2019. Chị D1 không biết số sắt mua của T là tài sản trộm cắp và T khi bán không nói cho chị D1 biết nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý D1 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thanh H2- sinh năm 1989, HKTT: Thôn 2, xã P là người mua lại 3 (ba) thanh sắt từ chị D1. Chị H2 không biết 03 (ba) thanh sắt đó là tài sản T trộm cắp nên

Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý H2 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Jupiter, màu đen, không có biển kiểm soát, Cơ quan điều tra đã tiến hành giám định số khung số máy của xe. Kết quả số khung số máy của xe còn nguyên thủy. Bị cáo T khai nhận mượn của Cán Tất T3, qua làm việc với Cán Tất T3 xác định chiếc xe trên T3 mua của người không rõ tên tuổi địa chỉ. Tra cứu theo số khung số máy của xe xác định chiếc xe trên có BKS: 33N8 - 8028, đăng ký xe mang tên Lê Văn Th, địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Quốc Oai, Hà Nội. Chiếc xe trên anh Th cho anh Ngô Văn H3- sinh năm 1970, HKTT: Thôn 5, xã P, huyện Quốc Oai, Hà Nội mượn. Ngày 29/4/2019, chiếc xe trên đã bị mất trộm tại nhà anh H3. Anh H3 đã trình báo sự việc lên Đồn Công an Đông Hòa Phú, huyện Quốc Oai. Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất đã có Công văn gửi Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai và bàn giao chiếc xe trên cho Công an huyện Quốc Oai để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại xe SH mode, màu xanh, biển kiểm soát 29V5 - 36.246 mà bị cáo T cùng đồng phạm sử dụng để đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu là của chị Vũ Thị H- sinh năm 1989, HKTT: Thôn 3, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội (Là vợ bị cáo T). Chị H không biết việc bị cáo T sử dụng xe của chị H để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe trên cho chị Vũ Thị H.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thử ma túy đối với các bị cáo Chu Văn T và Đỗ H. Kết quả T và H đều dương tính với ma túy.

Tại phiên tòa, các bị cáo Chu Văn T, Đỗ H, Hoàng Xuân G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nhận thấy hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKS ngày 18/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Chu Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Đỗ H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm b Khoản 2 Điều 173; Hoàng Xuân G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng các điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 48 đến 54 tháng tù.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ H từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Xuân G từ 09 đến 15 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo Chu Văn T phải bồi thường cho ông Trần Văn Ch số tiền 9.000.000 đồng và cháu Nguyễn Thị Ngọc B 1.500.000 đồng.

Truy thu số tiền 400.000 đồng của bà Nguyễn Thị D1 để sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Chu Văn T, Đỗ H, Hoàng Xuân G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án, lời khai người bị hại. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự sơ hở của người dân và lúc đêm tối vắng người đi lại, Chu Văn T đã cùng với các đồng phạm là Đỗ H và Hoàng Xuân G liên tục lén lút thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản trong khoảng thời gian từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019 tại các xã T, xã B, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là: 75.129.070đ (Bảy mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín nghìn không trăm bảy mươi đồng). Trong đó Chu Văn T tham gia thực hiện 09 (Chín) vụ với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là: 75.129.070 đồng. Đỗ H tham gia thực hiện 05 (Năm) vụ, tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 40.524.070 đồng. T và H đã bán các tài sản trộm cắp được chia nhau để tiêu xài cá nhân hết. Đối với Hoàng Xuân G ngày 12/01/2019, G và T đã trộm cắp tài sản là chiếc xe ba bánh tự chế của anh Nguyễn Hữu N trị giá 13.500.000 đồng. Sau khi bị phát hiện, G và T đã chuộc xe trả lại cho anh N.

Hành vi trên của các bị cáo Chu Văn T, Đỗ H và Hoàng Xuân G đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Chu Văn T tham gia thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản liên tục, với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 75.129.070 đồng và chưa có lần nào bị xét xử, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Chu Văn T không có nghề nghiệp, sử dụng tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính, nên bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, tài sản phạm tội có trị giá trên 50.000.000 đồng. Đây là các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo T theo các điểm b, c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Đỗ H tham gia thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản liên tục, với tổng giá trị tài sản trộm cắp được là 40.524.070 đồng và chưa có lần nào bị xét xử, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Bị cáo H không có nghề nghiệp, sử dụng tài sản trộm cắp làm

nguồn sống chính nên bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, đây là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với bị cáo H theo điểm b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Hoàng Xuân G tham gia thực hiện một vụ trộm cắp tài sản có trị giá 13.500.000 đồng, nên hành vi của bị cáo G đã phạm tội trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố các bị cáo T, H, G về tội danh và điều luật viện dẫn như trên là đúng pháp luật.

[3]. Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong 09 lần trộm cắp tài sản trên thì Chu Văn T đều là người khởi xướng và tham gia tích cực từ việc lấy tài sản đến việc tiêu thụ tài sản, nên T đứng đầu trong vụ án. Đỗ H và Hoàng Xuân G tham gia với vai trò đồng phạm theo sự khởi xướng của T, bị cáo H tham gia 05 vụ, bị cáo G tham gia một vụ nên bị cáo H có vai trò đứng thứ hai trong vụ án, còn bị cáo G đứng thứ ba trong vụ án.

[4]. Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất trật tự an ninh trên địa bàn huyện. Đối với các bị cáo T và H phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; bị cáo G có nhân thân xấu, hai lần bị Tòa án xử phạt tù về tội Cường đoạt tài sản và tội Cố ý gây thương tích nhưng G không lấy đó làm bài học rèn luyện bản thân, nên phải có hình phạt nghiêm cách ly các bị cáo T, H, G khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo thành người tốt và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, H và G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội lần đầu bị cáo T và bị cáo G đã tự nguyện chuộc tài sản trả lại cho anh N nhằm khắc phục hậu quả; Bị cáo T và bị cáo H đã tác động để gia đình tự nguyện bồi thường tài sản cho anh Trần Văn Ch, anh Nguyễn Văn Q nhằm khắc phục hậu quả. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo T, H, G được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T được người bị hại là anh Nguyễn Văn Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo H được người bị hại là anh Trần Văn Ch và bà Nguyễn Thị D có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, nên các bị cáo T, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5]. Đối với Nguyễn Văn H1, ngày 09/9/2019, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can số 222, ra lệnh bắt bị can để tạm giam số 13 đối với Nguyễn Văn H1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn H1 đã trốn khỏi địa phương. Ngày 08/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã bị can đối với Nguyễn Văn

H1. Ngày 09/10/2019, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 05, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can số 08, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 12 đối với bị can Nguyễn Văn H1, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Đình Ph- sinh năm 1980, HKTT: Thôn 2, xã P, huyện Thạch Thất, Hà Nội tham gia trộm cắp tài sản ngày 26/02/2019 tại xã T cùng với Chu Văn T. Tuy nhiên ngoài lời khai của Chu Văn T, không có tài liệu khác chứng minh hành vi phạm tội của Ph nên chưa đủ căn cứ khởi tố Ph về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã triệu tập Ph nhiều lần nhưng Nguyễn Đình Ph không có mặt tại địa phương, không biết Ph đi đâu vì vậy Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Chu Văn A (Tuấn Đ) là người đã mua tài sản là tôn và xe máy LEAD BKS: 30X1 – 0605, Chu Ba D2 là người đã mua chiếc xe đạp điện do T và H trộm cắp. T và H khai nhận khi bán tài sản cho Chu Văn A và Chu Ba D2 không nói nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã triệu tập Chu Văn A và Chu Ba D2 nhiều lần nhưng A và D2 đều vắng mặt, qua xác minh A và D2 đều vắng mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai. Do vậy, không đủ căn cứ khởi tố Chu Văn A và Chu Ba D2 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Đặng Cao C- sinh năm 1983, HKTT: Thôn 3, xã Phùng Xá là người mua xe ba bánh của các bị cáo T, G, H1. Tuy nhiên C đã chết ngày 20/6/2019 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Đối với người tên L- sinh năm 1992, ở Thanh Hóa là công nhân khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai. Cơ quan điều tra đã làm việc với Ban quản lý khu công nghiệp để xác minh người có tên là L nêu trên nhưng chưa xác định được người này. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Khả S là người mua gỗ trộm cắp của các bị cáo T, H, H1 ngày 01/6/2019; Nguyễn Phú C1 là người mua chiếc xe ba bánh tự chế mà các bị cáo T và H trộm cắp tháng 6/2019. Do anh S và anh C1 không biết các tài sản này do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý S và C1 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị D1 là người mua sắt trộm cắp của T ngày 07/7/2019; Nguyễn Thanh H2 là người mua lại sắt từ chị D1 nhưng do chị D1 và chị H2 không biết số sắt này là tài sản do T trộm cắp, nên Cơ quan điều tra không xử lý D1 và H2 về hành vi “Tiêu thụ tài sản của người khác phạm tội mà có” theo điều 323 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng: Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra xử lý đúng theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị D1 là người mua số sắt trộm cắp của bị cáo T với giá 1.700.000 đồng, sau đó chị D1 đã bán cho chị Nguyễn Thanh H2 với giá 2.100.000 đồng. Như vậy, chị D1 đã thu lời số tiền 400.000 đồng, đây là số tiền thu lời từ việc mua bán tài sản trộm cắp nên truy thu số tiền 400.000 đồng của chị D1 để sung vào Ngân sách nhà nước.

Đối với chị Nguyễn Thanh H2 là người mua bán sắt vụn, do việc mua bán diễn ra trong ngày với nhiều khách hàng nên chị H2 không biết đã bán số sắt mua của chị D1 cho ai và không nhớ bán được bao nhiêu tiền, nên không có căn cứ để truy thu số tiền thu lời của chị H2.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Một số người bị hại gồm anh Nguyễn Hữu N, ông Nguyễn Văn Q, anh Phan Văn L, anh Trần Văn C, anh Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Đình Q1, anh Nguyễn Đình T2, bà Phùng Thị D, không yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Văn Ch yêu cầu bồi thường 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu bồi thường 1.500.000 đồng. Việc trộm tài sản của ông Ch là do bị cáo T và bị cáo H thực hiện nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Ngày 07/11/2019, gia đình bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho ông Ch 9.000.000 đồng. Do vậy, buộc bị cáo Chu Văn T phải bồi thường tiếp cho ông Ch số tiền 9.000.000 đồng. Đối với số tiền của chị B, tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho chị B nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Chu Văn T, Đỗ H, Hoàng Xuân G (tên gọi khác: Hoàng Văn G) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ các điểm b, c Khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Chu Văn T** 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2019.

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đỗ H** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2019.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Xuân G** (tên gọi khác: Hoàng Văn G) 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2019.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Truy thu số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của chị Nguyễn Thị D1 để sung vào Ngân sách nhà nước.

Về dân sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Chu Văn T phải bồi thường cho ông Trần Văn Ch số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Ngọc B 1.500.000đ Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Chu Văn T, Đỗ H, Hoàng Xuân G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Chu Văn T phải chịu 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn

